Sở Giáo Dục và Đào Tạo TPHCM

**Trường THPT Phan Đăng Lưu**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HKI KHỐI 10 MÔN SINH HỌC**

***HÌNH THỨC BÀI KT: TRẮC NGHIỆM 32 CÂU***

***NỘI DUNG LẤY TỪ PHẦN TRẮC NGHIỆM 60%-CÒN LẠI LẤY BÊN NGOÀI 40%***

**I. GIỚI HẠN BÀI: BÀI 1🡪 BÀI 8 (40%)**

**II- PHẦN TRẮC NGHIỆM (60%)**

**Bài 1:**

1. Tổ chức sống nào sau đây có cấp thấp nhất so với các tổ chức còn lại ?

a. Quần thể b. Quần xã

c. Cơ thể d. Hệ sinh thái

2. Đặc điểm chung của trùng roi , a mip, vi khuẩn là :

a. Đều thuộc giới động vật

b. Đều có cấu tạo đơn bào

c. Đều thuộc giới thực vật

d. Đều là những cơ thể đa bào

3. Tập hợp các cá thể cùng loài , cùng sống trong một vùng địa lý nhất định ở một thời điểm xác định và cơ quan hệ sinh sản với nhau được gọi là :

a. Quần thể c. Quần xã

b. Nhóm quần thể d. Hệ sinh thái

4. Hãy chọn câu sau đây có thứ tự sắp xếp các cấp độ tổ chức sống từ thấp đến cao:

a. Cơ thể, quần thể, hệ sinh thái, quần xã

b. Quần xã , quần thể, hệ sinh thái, cơ thể

c. Quần thể, quần xã, cơ thể, hệ sinh thái

d. Cơ thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái .

5. Điều dưới đây đúng khi nói về một hệ thống sống :

a. Một hệ thống mở

b. Có khả năng tự điều chỉnh

c. Thường xuyên trao đổi chất với môi trường

d. Cả a,b,c, đều đúng

**BÀI 2**

1. Vi khuẩn là dạng sinh vật được xếp vào giới nào sau đây ?

a. Giới nguyên sinh b. Giới thực vật

c. Giới khởi sinh d. Giới động vật

2. Điểm giống nhau của các sinh vật thuộc giới Nguyên sinh , giới thực vật và giới động vật là :

a. Cơ thể đều có cấu tạo đa bào

b. Tế bào cơ thể đều có nhân sơ

c. Cơ thể đều có cấu tạo đơn bào

d. Tế bào cơ thể đều có nhân thực

3. Những giới sinh vật có đặc điểm cấu tạo cơ thể đa bào và có nhân thực là:

a. Thực vật, nấm, động vật

b. Nguyên sinh , khởi sinh , động vật

c. Thực vật , nguyên sinh , khởi sinh

d. Nấm, khởi sinh, thực vật

4. Trong các đơn vị phân loại sinh vật dưới đây, đơn vị thấp nhất so với các đơn vị còn lại là:

a. Họ c. Lớp

b. Bộ d. Loài

5. Sống tự dưỡng quang hợp cơ ở :

a. Thực vật , nấm b. Động vật , tảo

c. Thực vật , tảo d. Động vật , nấm

**Bài 3**

1. Các nguyên tố hoá học chiếm lượng lớn trong khối lượng khô của cơ thể được gọi là :

a. Các hợp chất vô cơ

b. Các hợp chất hữu cơ

c. Các nguyên tố đại lượng

d. Các nguyên tố vi lượng

2. Trong các cơ thể sống , tỷ lệ khối lượng của các nguyên tố C, H,O,N chiếm vào khoảng

a. 65% b.70% c.85% d.96%

3. Nước có vai trò sau đây ?

a. Dung môi hoà tan của nhiều chất

b. Thành phần cấu tạo bắt buộc của tế bào

c. Là môi trường xảy ra các phản ứng sinh hoá của cơ thể

d. Cả 3 vai trò nêu trên

4. Để cho nước biến thành hơi, phải cần năng lượng:

a. Để bẻ gãy các liên kết hiđrô giữa các phân tử

b. Để bẻ gãy các liên kết cộng hoá trị của các phân tử nước .

c. Thấp hơn nhiệt dung riêng của nước

d. Cao hơn nhiệt dung riêng của nước .

5. Nước có đặc tính nào sau đây ?

a. Dung môi hoà tan của nhiều chất

b. Thành phần cấu tạo bắt buộc của tế bào

c Là môi trường xảy ra các phản ứng sinh hoá của cơ thể

d. Cả 3 vai trò nêu trên

**Bài 4**

1. Cacbonhiđrat là tên gọi dùng để chỉ nhóm chất nào sau đây?

a. Đường c. Đạm

b. Mỡ d. Chất hữu cơ

2. Thuật ngữ nào dưới đây bao gồm các thuật ngữ còn lại ?

a. Đường đơn c.Đường đa

b. Đường đôi d. Cacbohidrat

3. Đường đơn còn được gọi là :

a.Mônôsaccarit c. Pentôzơ

b.Frutôzơ d. Mantôzơ

4. Chất nào dưới đây thuộc loại đường Pôlisaccarit

a. Mantôzơ c.Điaccarit

b. Tinh bột d.Hêxôzơ

5. Loại đường nào sau đây không cùng nhóm với những chất còn lại?

a.Galactôzơ c.Mantôzơ

b.Glucôzơ d.Fructôzơ

6. Đường mía do hai phân tử đường nào sau đây kết hợp lại ?

a. Glucôzơ và Fructôzơ b. Xenlucôzơ và galactôzơ

c. Galactôzơ và tinh bột d. Tinh bột và mantôzơ

7. Nhóm chất nào sau đây là những chất đường có chứa 6 nguyên tử các bon ?

a. Glucôzơ , Fructôzơ , Pentôzơ

b.Fructôzơ , galactôzơ, glucôzơ

c.Galactôzơ, Xenlucôzơ, Tinh bột

d.Tinh bột , lactôzơ, Pentôzơ

8. Lipit là chất có đặc tính

a. Tan rất ít trong nước b. Tan nhiều trong nước

c. Không tan trong nước d. Có ái lực rất mạnh với nước

9 . Phát biểu sau đây có nội dung đúng là :

a. Trong mỡ chứa nhiều axít no

b. Phân tử dầu chỉ có chứa 1 glixêrol

c. Trong mỡ có chứa 1 glixêrol và 2 axit béo

d. Dầu hoà tan không giới hạn trong nước .

10. Photpholipit có chức năng chủ yếu là :

a. Tham gia cấu tạo nhân của tế bào .

b. Là thành phần cấu tạo của màng tế bào

c. Là thành phần của máu ở động vật

d. Cấu tạo nên chất diệp lục ở lá cây

**Bài 5: Prôtêin**

1.Đơn phân cấu tạo của Prôtêin là :

a. Mônôsaccarit c.axit amin

b. Photpholipit d. Stêrôit

2. Số loại axit a min có ở cơ thể sinh vật là khoảng:

a. 20 b.15 c.13 d.10

3. Loại liên kết hoá học chủ yếu giữa các đơn phân trong phân tử Prôtêin là :

a. Liên kết hoá trị c. Liên kết este

b. Liên kết peptit d. Liên kết hidrô

4. Các loại axit amin khác nhau được phân biệt dựa vào các yếu tố nào sau đây :

a. Nhóm amin c. Gốc R-

b. Nhóm cacbôxyl d. C ả ba l ựa ch ọn tr ên

5. Trong tự nhiên , prôtêin có cấu trúc mấy bậc khác nhau ?

a. Một bậc c. Ba bậc

b. Hai bậc d. Bốn bậc

6. Tính đa dạng của prôtêin được qui định bởi :

a. Nhóm amin của các axit amin

b. Nhóm R của các axit amin

c. Liên kết peptit

d. Thành phần , số lượng và trật tự axitamin trong phân tử prôtêin

7. Cấu trúc của phân tử prôtêtin có thể bị biến tính bởi :

a. Liên kết phân cực của các phân tử nước

b. Nhiệt độ ,áp suất...

c. Sự có mặt của khí oxi

d. Sự có mặt của khí CO2

8. Điểm giống nhau của prôtêin bậc 1, prôtêin bậc 2 và prôtêin bậc 3 là :

a. Chuỗi pôlipeptit ở dạng mạch thẳng

b. Chuỗi pôlipeptit xoắn lò xo hay gấp lại

c. Chỉ có cấu trúc 1 chuỗi pôlipeptit

d. Chuỗi pôlipeptit xoắn cuộn tạo dạng khối cầu

9.Prôtêin tham gia trong thành phần của enzim có chức năng :

a. Xúc tác các phản ứng trao đổi chất

b. Điều hoà các hoạt động trao đổi chất

c. Xây dựng các mô và cơ quan của cơ thể

d. Cung cấp năng lượng cho hoạt động tế bào .

10. Cấu trúc nào sau đây có chứa Prôtêin thực hiện chức năng vận chuyển các chất trong cơ thể ?

a. Nhiễn sắc thể c. Xương

b. Hêmôglôbin d. Cơ

**Bài 6**

1. Đơn phân cấu tạo của phân tử ADN là :

a. A xit amin c. Nuclêotit

b. Plinuclêotit d. Ribônuclêôtit

2. Chức năng của ADN là :

a. Cung cấp năng lượng cho hoạt động tế bào

b. Bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền

c. Trực tiếp tổng hợp Prôtêin

d. Là thành phần cấu tạo của màng tế bào

3. Trong phân tử ADN, liên kết hiđrô có tác dụng

a. Liên kết giữa đường với axit trên mỗi mạch

b. Nối giữa đường và ba zơ trên 2 mạch lại với nhau

c Tạo tính đặc thù cho phân tử ADN

4. Số loại ARN trong tế bào là :

a. 2 loại c. 4 loại

b. 3 loại d. 5 loại

5. Chức năng của ARN thông tin là :

a. Qui định cấu trúc của phân tử prôtêin

b. Tổng hợp phân tử ADN

c. Truyền thông tin di truyền từ ADN đến rioôxôm

d. Quy định cấu trúc đặc thù của ADN

**Bài 7**

1. Đặc điểm nào sau đây không phải của tế bào nhân sơ ?

a. Có kích thước nhỏ

b. Không có các bào quan như bộ máy Gôn gi , lưới nội chất

c. Không có chứa phân tử ADN

d. Nhân chưa có màng bọc

2. Đặc điểm của tế bào nhân sơ là :

a. Tế bào chất đã phân hoá chứa đủ các loại bào quan

b. Màng nhân giúp trao đổi chất giữa nhân với tế bào chất

c. Chưa có màng nhân

d. Cả a, b, c đều đúng

3. Cấu trúc nào sau đây thuộc loại tế bào nhân sơ ?

a. Virut

b. Tế bào thực vật

c. Tế bào động vật

d. Vi khuẩn

4. Tế bào nhân sơ được cấu tạo bởi 3 thành phần chính là :

a. Màng sinh chất , tế bào chất , vùng nhân

b. Tế bào chất, vùng nhân , các bào quan

c. Màng sinh chất , các bào quan , vùng nhân

d. Nhân phân hoá , các bào quan , màng sinh chất

5. Thành phần nào sau đây không có ở cấu tạo của tế bào vi khuẩn ?

a. Màng sinh chất c. Vỏ nhày

b. Mạng lưới nội chất d. Lông roi

6. Phát biểu sau đây không đúng khi nói về vi khuẩn là :

a. Dạng sống chưa có cấu tạo tế bào

b. Cơ thể đơn bào , tế bào có nhân sơ

c. Bên ngòai tế bào có lớp vỏ nhày và có tác dụng bảo vệ

d. Trong tế bào chất có chứa ribôxôm

7. Nhận định nào sau đây đúng với tế bào vi khuẩn

a. Nhân được phân cách với phần còn lại của tế bào bởi màng nhân

b. Vật chất di truyền là ADN không kết hợp với prôtêin histon.

c. Nhân có chứa phân tử ADN dạng vòng

d. Ở vùng nhân không chứa nguyên liệu di truyền

8. Ở vi khuẩn , cấu trúc plasmis là :

a. Phân tử ADN nằm trong nhân tế bào có dạng thẳng

b. Phân tử ADN có dạng vòng nằm trong nhân

c. Phân tử ADN nằm trong nhân tế bào có dạng vòng

d. Phân tử ADN thẳng nằm trong tế bào chất

9. Trong tế bào vi khuẩn nguyên liệu di truyền là ADN có ở :

a. Màng sinh chất và màng ngăn

b. Màng sinh chất và nhân

c. Tế bào chất và vùng nhân

d. Màng nhân và tế bào chất

10. Hình thái của vi khuẩn được ổn định nhờ cấu trúc nào sau đây ?

a. Vỏ nhày c. Màng sinh chất

b. Thành tế bào d. Tế bào chất